

Số: /TB-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về tiêu chuẩn trình độ ngoại ngữ áp dụng cho công tác tuyển sinh và đào tạo các chương trình sau đại học tại Trường Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội năm 2023

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ tại ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc ĐHQGHN về ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ tại ĐHQGHN;

Căn cứ Hướng dẫn số 556/HD-ĐHQGHN ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN về việc thực hiện công tác tuyển sinh sau đại học năm 2023;

Căn cứ Công văn số 958/ĐHQGHN-ĐT ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Giám đốc ĐHQGHN về việc Cho phép sử dụng chứng chỉ Tiếng Anh Aptis ESOL của Hội đồng Anh để dự tuyển sau đại học trong năm 2023;

Căn cứ Hướng dẫn số 1011/HD-ĐHQGHN ngày 23 tháng 03 năm 2023 của ĐHQGHN về việc tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung và xác định chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Quốc tế thông báo về việc điều chỉnh, cập nhật thông tin các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng cho công tác tuyển sinh và đào tạo sau đại học năm 2023 như sau:

1. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) đối với các chương trình thạc sĩ do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng:

Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam khi bắt đầu học các học phần chuyên môn (Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành). Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các đơn vị đào tạo trong ĐHQGHN cấp trong thời gian không quá 2 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển với điều kiện thí sinh có sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) để xét và công nhận tốt nghiệp trình độ đại học (chứng chỉ ngoại ngữ gửi kèm hồ sơ đăng ký dự tuyển).

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển, được cấp bởi các cơ sở tổ chức thi

chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQGHN công nhận (phụ lục 1 và phụ lục 2).

2. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) đối với các chương trình thạc sĩ liên kết quốc tế do đối tác cấp bằng

Ứng viên phải đáp ứng một trong các điều kiện dưới đây:

Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài.

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác được ĐHQGHN công nhận (phụ lục 1 và phụ lục 2) trong thời hạn 2 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

3. Điều kiện về trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) đối với chương trình tiến sĩ do ĐHQGHN cấp bằng

Ứng viên phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ (tiếng Anh) được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng Anh.

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ Anh hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ Anh do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp.

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN công nhận (quy định tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

** Ghi chú: Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.*

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (đề b/c);
- Hiệu trưởng (đề b/c);
- Các tổ chức, đơn vị, đối tác ; cá nhân quan tâm các chương trình SDH tại TQT;
- Học viên, nghiên cứu sinh TQT;
- Website TQT;
- Lưu : VT, SDH, Y5.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Anh Hào

Phụ lục 1
Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương Bậc 3, Bậc 4
theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

Tiếng Anh

Khung năng lực ngoại ngữ VN	IELTS	TOEFL	Aptis ESOL	Cambridge Exam	Vietnamese Standardized Test of English Proficiency
Bậc 3	4.5	42 iBT	B1	A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140	VSTEP.3-5 (4.0)
Bậc 4	5.5	72 iBT	B2	B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160	VSTEP.3-5 (6.0)
Bậc 5	7.0	95 iBT	C1	B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180	VSTEP.3-5 (8.5)

Ghi chú:

() Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên.*

Đại học Quốc gia Hà Nội không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

Phụ lục 2

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
1	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN	√	√	√	√	√	√	√	√
2	Trường ĐH Hà Nội	√	√	√	√	√			
3	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế	√	√	√	√				
4	Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh	√	√	√	√				
5	Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng	√	√						
6	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	√							
7	Đại học Bách khoa Hà Nội	√							
8	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM	√							
9	ĐH Thái Nguyên	√							
10	Trường ĐH Cần Thơ	√							
11	Trường Đại học Nam Cần Thơ	√							
12	Trường ĐH Vinh	√							
13	Học viện An ninh nhân dân	√							
14	Học viện Báo chí và Tuyên truyền	√							
15	Trường Đại học Thương mại	√							

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận	Chứng chỉ	Chứng nhận						
		Tiếng Anh (*)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Trung	Tiếng Đức	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn	Tiếng Thái
16	Trường Đại học Ngoại thương	√							
17	Học viện Khoa học quân sự	√							
18	Học viện Cảnh sát nhân dân	√							
19	Trường Đại học Quy Nhơn	√							
20	Trường Đại Học Tây Nguyên	√							
21	Trường Đại học Sài Gòn	√							
22	Trường Đại học Văn Lang	√							
23	Trường Đại học Trà Vinh	√							
24	Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM	√							
25	Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM	√							
26	Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM	√							
27	Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM	√							

Ghi chú: (*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Cơ sở cấp chứng chỉ	Các chứng chỉ được công nhận			
		IELTS	TOEFL	Cambridge Exam	Aptis ESOL
1	Educational Testing Service (ETS)		√		
2	British Council (BC)	√			
3	International Development Program (IDP)	√			
4	Cambridge ESOL	√		√	
5	Aptis ESOL International Certificate (được cấp từ ngày 16 tháng 11 năm 2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT)				√